

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao
Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) tỉnh Sơn La,
giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa
phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24.9.2020 của Đại hội Đảng bộ
tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2021-2025;*

*Căn cứ kết quả đánh giá Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công
(PAPI) tỉnh Sơn La trong những năm qua của tỉnh, do Chương trình Phát triển
Liên hợp quốc (UNDP) phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và nghiên
cứu khoa học Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ
trợ cộng đồng (CECODES), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh công bố;*

*Căn cứ Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 48/TTr-SNV ngày 18
tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải thiện, nâng cao
Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tỉnh Sơn La, giai
đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực
hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ Cải cách hành chính;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Sơn La; Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Trung tâm: Công báo, Lưu trữ, tin học;
- Lưu: VT, KSTTHC, LX(80b).

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Hoàng Quốc Khánh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công
(PAPI) tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 21/01/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (sau đây gọi tắt là *Chỉ số PAPI*) của tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 và thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La, lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Xác định rõ những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thiết thực để nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh; góp phần xây dựng cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

- Phấn đấu hàng năm các Chỉ số nội dung của PAPI được xếp trong nhóm có điểm trung bình cao trở lên.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan Nhà nước, của mỗi cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong nỗ lực cải thiện Chỉ số PAPI.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện Kế hoạch nâng cao Chỉ số PAPI giai đoạn 2021-2025 phải thực hiện đồng bộ với Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh, giai đoạn 2021-2025 và gắn với nhiệm vụ giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR-INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) và Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, kiên trì, liên tục của các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố. Quá trình thực hiện cần kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của sở, ngành, huyện, thành phố và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”

1.1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân hiểu đầy đủ về Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Tuyên truyền, triển khai các hình thức thích hợp (*công khai số điện thoại, hộp thư điện tử của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, thường xuyên tổ chức các cuộc gặp, tiếp xúc với nhân dân...*), tạo điều kiện cho nhân dân được biết, được bàn, được tham gia thực hiện, để nhân dân nói lên nguyện vọng, phản ánh kiến nghị, tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, các cơ chế, chính sách của Trung ương cũng như của địa phương.

1.2. Các cấp, các ngành tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định, văn bản của Đảng và Nhà nước ở cơ sở; xem xét, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở. Công khai, minh bạch cơ chế, chính sách, hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương; UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện công khai thu, chi ngân sách cấp xã theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007; kiểm soát chặt chẽ và có giải pháp phòng ngừa hành vi tham nhũng, nhất là trong các lĩnh vực như chi tiêu ngân sách, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh...

1.3. Tập trung tổ chức tốt các cuộc tiếp xúc cử tri rộng rãi, dân chủ hơn, tạo cơ hội cho mọi công dân trong khu dân cư tham gia thảo luận, theo dõi, giám sát việc xây dựng mới hoặc tu sửa các công trình công cộng diễn ra ở địa bàn. Thực hiện nghiêm túc việc bầu cử Trưởng ban, tiểu khu, tổ dân phố theo định kỳ. Xây dựng Quy chế thực hiện các kiến nghị trong thực hiện giám sát của HĐND và tiếp thu, trả lời ý kiến của cử tri.

1.4. Các cấp, các ngành tăng cường tuyên truyền, tập huấn, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tham gia góp ý với chính quyền các cấp qua hệ thống thông tin điện tử của các cơ quan Nhà nước.

2. Nội dung “Công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách”

2.1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Thực hiện các Chương trình Đề án tuyên truyền, PBGDPL; Đề án “*Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL*”. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành việc triển khai thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

2.2. Thực hiện cập nhật kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào danh sách hộ nghèo, các file dữ liệu và phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực trạng đời sống

của nhân dân, tuyệt đối không bỏ sót hộ nghèo, hộ cận nghèo, không chạy theo thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 giảm bình quân 3%/năm (*riêng các huyện nghèo giảm 4-5%/năm*); đến năm 2025 có ít nhất 01 huyện được đưa ra khỏi danh sách huyện nghèo.

2.3. Thực hiện công khai danh sách hộ nghèo tại trụ sở UBND cấp xã, điểm sinh hoạt cộng đồng khu dân cư... đảm bảo quy định về thời gian công khai, nội dung công khai, địa điểm công khai. Công khai kịp thời những thông tin về chính sách xã hội cho người nghèo để nhân dân biết, nhân dân bàn, giám sát thực hiện.

2.4. Thực hiện đúng, đủ quy định về công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã. Bảo đảm việc niêm yết công khai danh mục thu, chi cụ thể, chi tiết, hình thức công khai phải phù hợp, thuận tiện để người dân có thể tiếp cận và giám sát.

2.5. Thực hiện đúng quy định về việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người dân đối với dự thảo về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương. Tiếp thu đầy đủ, giải trình, thông tin kịp thời, xem xét điều chỉnh và công khai để người dân được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.

2.6. Đối với quy hoạch đất đai và các dự án liên quan đến đất đai trên địa bàn phải công khai các quy hoạch đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất hiện thời trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố và tại trụ sở UBND cấp xã. Phải công khai và thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất, mức giá đền bù khi thu hồi đất. Công khai kế hoạch đầu tư của các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư.

2.7. Thường xuyên kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

3. Nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân”

3.1. Thực hiện hiệu quả Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018 và Luật Tiếp công dân năm 2013 làm tăng mức độ và hiệu quả tương tác giữa chính quyền địa phương với người dân nhằm đáp ứng yêu cầu; giải quyết khiếu nại, kiến nghị của người dân. Chính quyền các cấp cần chủ động và tích cực hơn trong việc gặp gỡ, tiếp xúc với người dân thông qua các cuộc họp dân thường xuyên hoặc bất thường. Tăng cường trách nhiệm của các ngành, các cấp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; kịp thời phát hiện các điểm yếu kém trong quản lý để khắc phục và nâng cao trách nhiệm giải trình đối với người dân.

3.2. Thực hiện nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng chống tham nhũng. Các cơ

quan Nhà nước nâng cao trách nhiệm giải trình thông qua hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn của HĐND các cấp; giải trình về phản ánh của cơ quan báo chí, truyền thông, ý kiến của nhân dân thông qua các cổng thông tin điện tử tỉnh, các trang thông tin của sở, ngành và phản ánh trực tiếp của nhân dân.

3.3. Rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tiếp dân, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức tiếp dân theo thẩm quyền; thực hiện đầy đủ, đúng hạn đối với các nội dung phải giải trình với người dân theo quy định; củng cố sự tin tưởng, tín nhiệm của người dân.

3.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong việc giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ của cấp chính quyền cơ sở với người dân. Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ, quy định của pháp luật và các quy trình cơ bản cho Ban Thanh tra nhân dân để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3.5. UBND cấp xã xây dựng và niêm yết lịch tiếp công dân cụ thể theo ngày, giờ, tên, số điện thoại người tiếp công dân; rà soát hệ thống sổ sách ghi chép, sổ theo dõi công tác tiếp công dân đảm bảo đúng mẫu, ghi đủ thông tin; phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh... đúng nội dung. UBND cấp huyện chủ động trong xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra; các cuộc thanh tra, kiểm tra đều phải có kết luận, thông báo hoặc biên bản...; chỉ đạo kịp thời việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra; tập trung giải quyết có hiệu quả những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.

3.6. Các cơ quan, đơn vị, cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện tốt việc giải trình với người dân khi người dân yêu cầu. Định kỳ tổ chức đối thoại với người dân; tập trung giải quyết dứt điểm những vướng mắc của nhân dân, không để tồn đọng kéo dài gây bức xúc trong nhân dân.

4. Nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”

4.1. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức để người dân hiểu, giám sát và phản ánh những biểu hiện tham nhũng. Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng hàng năm của tỉnh, huyện, xã trên các phương tiện thông tin của tỉnh và hệ thống truyền thanh ở cơ sở.

4.2. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về việc xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Tạo điều kiện cho người dân thực hiện việc tố cáo hành vi tham nhũng đúng địa chỉ, có hiệu quả cao; phát huy tinh thần tố giác của cán bộ, nhân dân đối với hành vi tham nhũng. Phát huy vai trò giám sát của HĐND các cấp, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng, của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chú trọng kiểm tra đột xuất việc giải quyết

thủ tục hành chính cho người dân để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức gây nhũng nhiễu, phiền hà người dân.. Công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra cũng như việc chấp hành kết luận của thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đối với hành vi tham nhũng. Tập trung kiểm soát tham nhũng trong khu vực công liên quan nhiều đến đời sống người dân ở cơ sở như: tài chính thôn, xã, các khoản đóng góp của nhân dân; đầu tư xây dựng ở cơ sở; tuyển dụng, sắp xếp đề bạt cán bộ; cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục,...

4.3. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức gắn với việc xây dựng chế độ đãi ngộ. Nâng cao chất lượng thực thi công vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho cán bộ, công chức, công khai các quy trình thực hiện để người dân giám sát, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc của nhân dân. Thúc đẩy thực hành liêm chính trong quan hệ giữa cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp, người dân, thực hiện các biện pháp cải thiện trên thực tế thông qua các chỉ số đo lường chất lượng quản trị địa phương.

4.4. Thay đổi nhận thức của lãnh đạo các cấp trong việc đánh giá, sử dụng cán bộ có năng lực, nghiên cứu điều chỉnh bổ sung chính sách thu hút nhân tài; triển khai thực hiện Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng “vị thân” trong tuyển dụng nhân lực, đề bạt, sử dụng cán bộ vào khu vực công theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4.5. Thúc đẩy thực hành liêm chính trong quan hệ giữa cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp, người dân, thực hiện các biện pháp cải thiện trên thực tế thông qua các chỉ số đo lường chất lượng quản trị địa phương. Thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị do mình phụ trách xảy ra tham nhũng. Có hình thức khen thưởng kịp thời các trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tham ô của cán bộ, công chức dưới quyền, hạn chế thiệt hại do tham nhũng hoặc những nhiễu gây ra tại cơ quan, đơn vị.

4.6. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh (*Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, cổng Thông tin điện tử...*) trong việc phát hiện, đưa tin, phản ánh các vụ việc có biểu hiện vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, để cơ quan có thẩm quyền kịp thời vào cuộc xác minh, xử lý. Thiết lập đường dây nóng của từng ngành nhằm tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị về tiêu cực trong hoạt động quản lý Nhà nước.

4.7. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; thủ tục, quy trình, thời gian giải quyết, lệ phí, các biểu mẫu,... theo quy định, phải được niêm yết công khai và hướng dẫn người dân kê khai thực hiện đúng quy định.

5. Nội dung “Cải cách thủ tục hành chính”

5.1. Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan ngành dọc, các huyện/thành phố tập trung đổi mới và giám sát bộ phận cung ứng dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, hộ gia đình và tổ chức, doanh nghiệp.

5.2. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC). Thường xuyên thực hiện công tác rà soát, công bố, công khai các TTHC, kiến nghị cắt giảm các TTHC rườm rà, không cần thiết. Đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ, rút ngắn thời gian và giảm chi phí nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân. Thực hiện tốt Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đồng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện, xã. Thực hiện nghiêm việc công bố công khai, minh bạch các TTHC và cập nhật kịp thời trên cơ sở dữ liệu quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia về TTHC; niêm yết, công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị và tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC.

5.3. Xử lý nghiêm mọi hành vi môi giới tư vấn trái quy định của pháp luật; chậm trễ, thiếu minh bạch, thiếu trách nhiệm, gây khó khăn, tiêu cực, những nhiễu khiến doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để hoàn thiện TTHC hoặc doanh nghiệp phải tiếp cận thêm với các sở, ngành tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, xã. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện TTHC. Đảm bảo cung cấp các dịch vụ hỗ trợ công dân như photo, in ấn, khắc dấu, gửi hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua đường bưu điện.

5.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC cho người dân và tổ chức; tăng số lượng, chất lượng các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 để tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức và công dân trong việc giải quyết TTHC. Lấy hiệu quả phục vụ, sự hài lòng của nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo; tạo môi trường thuận lợi thực sự để đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm cho cán bộ, công chức “một cửa” cấp xã trong đó có kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho cán bộ, công chức; đảm bảo việc giải quyết TTHC theo quan điểm “*thân thiện, lắng nghe, thấu cảm, tận tâm và chuyên nghiệp*”; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, thái độ văn minh, lịch sự gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương. Các sở, ngành lựa chọn cán bộ, công chức có năng lực và phẩm chất tốt, được đào tạo kỹ năng trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ; thay thế cán bộ, công chức có ý kiến phản ánh phục vụ chưa tốt, những nhiễu; điều chỉnh phân công lãnh đạo các sở, ngành phụ trách lĩnh vực giải quyết TTHC theo hướng chuyên môn sâu, giải quyết cụ thể, xử lý cơ bản các vướng mắc tồn đọng.

5.5. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, công bố trên các phương tiện

thông tin đại chúng các kết quả đánh giá của người dân, doanh nghiệp, tổ chức về mức độ hài lòng đối với dịch vụ công. Tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp được tham gia góp ý, giám sát quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, nhất là trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công, hỗ trợ doanh nghiệp, ... hình thành cơ chế liên thông và hỗ trợ giải quyết các TTHC phức tạp; cơ chế liên thông dọc ở cấp huyện và cấp tỉnh; hỗ trợ cơ chế “một cửa” ở cấp xã. Trong trường hợp cơ quan trả kết quả chậm hoặc cán bộ hướng dẫn không chu đáo dẫn tới doanh nghiệp phải mất thêm thời gian hoàn chỉnh hồ sơ hoặc đi lại mà lỗi thuộc về cơ quan nhà nước, Thủ trưởng cơ quan phải có thư xin lỗi tới người dân và doanh nghiệp.

6. Nội dung “Cung ứng dịch vụ công”

6.1. Nâng cao hơn nữa chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập

- Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế dự phòng; chú trọng phát triển kỹ thuật cao, chuyên sâu tại các bệnh viện tuyến tỉnh; ưu tiên nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ y tế tại Trung tâm y tế cấp huyện và Trạm y tế cấp xã.

- Duy trì thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động trạm y tế, từng bước kết nối liên thông các phần mềm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác dữ liệu y tế. Triển khai hiệu quả công tác quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế và quản lý sức khỏe người dân trên phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ sở y tế phối hợp giải quyết thủ tục và đảm bảo quyền lợi của người dân trong công tác khám chữa bệnh. Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí, các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế trên diện rộng; ban hành các văn bản hướng dẫn liên ngành, quy chế phối hợp,... tiếp tục mở rộng và phát triển đối tượng, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Phân đầu tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 96,2%.

- Sở Y tế tiếp tục thực hiện việc điều tra, đánh giá, công bố mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh.

6.2. Cải thiện chất lượng giáo dục, nhất là giáo dục tiểu học công lập

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp học, trang thiết bị dạy học theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại. Ban hành các quy định, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc thu, quản lý và sử dụng các khoản thu ngoài ngân sách trong nhà trường.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn đảm bảo cho dạy và học ở các cấp, đặc biệt là tiểu học. Thực hiện luân chuyển giáo viên giảng dạy ở các trường theo quy định.

- Tuyên truyền về cải cách giáo dục, đổi mới chương trình, thi cử, nâng cao chất lượng giáo dục để người dân hiểu rõ, đồng thuận và giám sát việc thực hiện; tổ chức khảo sát đo lường sự hài lòng của phụ huynh học sinh và người

dân đối với chất lượng giáo dục ở các trường tiểu học. Phân đầu tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt 70,1%.

6.3. Tiếp tục cải thiện cơ sở hạ tầng căn bản

- Thực hiện tốt dịch vụ cung cấp nước sạch nông thôn; đảm bảo chất lượng các công trình cấp nước sạch cho nhân dân. Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình cấp nước và đảm bảo chất lượng nước sạch nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Đảm bảo công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện duy trì vệ sinh môi trường và quản lý vận hành các khu xử lý chất thải. Đẩy nhanh thủ tục đầu tư các dự án cải tạo môi trường. Tăng cường tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường, đảm bảo tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đô thị, nông thôn trong ngày. Đến năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 80%; tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 94%.

- Nâng cao chất lượng và cải thiện chỉ số tiếp cận điện năng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện các giải pháp và tiến trình trong các quy hoạch điện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phân đầu tỷ lệ hộ gia đình được dùng điện sinh hoạt an toàn đến năm 2025 đạt 99%.

- Đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu của chương trình nông thôn mới, nâng cao chất lượng các dịch vụ công ở các xã; tích cực hoàn thành mục tiêu về hạ tầng nông thôn như: giáo dục, y tế, nước sạch, đường giao thông nông thôn, ...

- Phân đầu đến hết năm 2025, số xã đạt chuẩn nông thôn mới 83 xã và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 04 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới, 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và có 3-5 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phân đầu đến năm 2025, đối với các đô thị loại II đạt tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trên 90% diện tích quy hoạch chung được phê duyệt; đối với các đô thị loại IV tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trên 90% diện tích quy hoạch chung được phê duyệt; đô thị loại V, tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết trên 80% diện tích quy hoạch chung được phê duyệt.

6.4. Giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; không để xảy ra các hoạt động theo kiểu xã hội đen và các loại tội phạm mới, giảm tội phạm do nguyên nhân xã hội. Đến năm 2025, 95% cơ quan, doanh nghiệp, trường học; 90% khu dân cư, xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện các chương trình phối hợp hoạt động giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh.

7. Nội dung “Quản trị môi trường”

7.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người dân; tuyên truyền về thực trạng, nguy cơ, tác động từ ô nhiễm môi trường tới cuộc sống con người (*nhất là nguồn nước và không khí*); trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ môi trường, việc phân loại chất thải...

7.2. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện của tỉnh, tập trung bố trí nguồn vốn cho việc đầu tư các công trình xử lý môi trường khu vực công ích, giải quyết các vấn đề môi trường tồn đọng.

7.3. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, khuyến khích cá nhân, tổ chức, các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

7.4. Đầu tư các công trình xử lý môi trường, ưu tiên sử dụng các công nghệ thân thiện với môi trường, không thu hút các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các công nghệ mới, hiện đại để xử lý các loại chất thải phát sinh đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

7.5. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt 92,5%; tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom đạt 88%; tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được xử lý đạt 60%.

8. Nội dung “Quản trị điện tử”

8.1. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến đến người dân biết và sử dụng Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong việc khai thác tìm hiểu những chính sách, pháp luật của tỉnh đối với quyền lợi, nghĩa vụ của người dân và các dịch vụ công trực tuyến nhiều hơn.

8.2. Cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp đầy đủ thông tin và các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau; đổi mới giao diện theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận để tăng tỷ lệ người dân khai thác thông tin hành chính thông qua Cổng thông tin điện tử.

8.3. 80% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 4 trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; nâng cao chất lượng phục vụ, tạo sự thuận tiện trong tiếp cận và sử dụng thông tin của người dân và doanh nghiệp. Tăng cường các hình thức tuyên truyền và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

8.4. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng thiết bị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đủ năng lực để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ triển khai Chính quyền số tỉnh Sơn La. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã bao gồm: nâng cấp, bổ sung máy tính, máy in, máy quét, máy tính chuyên dùng và các thiết bị công nghệ thông tin khác.

8.5. Đến năm 2025, phần đầu tỷ lệ người sử dụng internet đạt 50% trở lên.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ PHÂN CÔNG CHO CÁC NGÀNH NHẪM NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Có Phụ lục I, II kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn

1.1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI giai đoạn 2021-2025 *(trong 30 ngày kể từ Quyết định này ban hành)* gửi về Sở Nội vụ *(đối với các sở, ban, ngành; các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố)*; Phòng Nội vụ *(đối với UBND các xã, phường, thị trấn)* để theo dõi, tổng hợp.

1.2. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện *(bao gồm kết quả triển khai các nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị và các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)* về UBND tỉnh *(qua Sở Nội vụ)* để theo dõi, giám sát thực hiện và tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Báo cáo gửi về Sở Nội vụ: 6 tháng đầu năm, trước ngày 10/6; cả năm trước 10/12.

1.3. Ngoài các nhiệm vụ trên, giao Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cụ thể tại Biểu tổng hợp các nhiệm vụ do các sở, ngành tỉnh chủ trì *(kèm theo Quyết định này)*; tổng hợp kết quả thực hiện theo ngành, lĩnh vực gửi các sở ngành chủ trì.

- Thường xuyên đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, trực tiếp chỉ đạo công tác thanh tra chuyên ngành, kiểm tra công vụ tăng cường kiểm tra đột xuất tại địa phương, cơ quan, đơn vị trực thuộc; chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra UBND cấp xã trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đưa nội dung thực hiện Kế hoạch vào tiêu chí xác định Chỉ số CCHC hằng năm của các xã, phường, thị trấn.

- Giải trình và chịu trách nhiệm trước HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả khảo sát của PAPI tại các thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố thuộc địa bàn dân cư do huyện, thành phố quản lý.

2. Giao Sở Nội vụ

2.1. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định *(6 tháng, năm, đột xuất)*.

2.1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công giai đoạn 2021-2025 (xong trong quý I/2021).

3. Giao Sở Tài chính: chủ trì thẩm định kinh phí thực hiện Đề án nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công giai đoạn 2021-2025 của các đơn vị có liên quan, trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

4.1. Triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công và quy định về đầu tư công trung hạn ở cấp huyện, xã để nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình; đảm bảo tham gia của người dân theo quy định của pháp luật.

4.2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn tỉnh theo quy định (Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư); đẩy mạnh công khai, minh bạch ở cấp xã.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở đối với người dân.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc Quyết định này, nhằm nâng cao kết quả Chỉ số PAPI trong giai đoạn tới./.



Phụ lục I

**BIỂU TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ
NHẪM CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Bản hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì tham mưu/đầu mối theo dõi/đơn đốc tổng hợp	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Chỉ số nội dung 1 “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”					
1	Xây dựng kế hoạch của UBND huyện về tăng cường bồi dưỡng, cung cấp và hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở về nghiệp vụ, hình thức, thông tin, tuyên truyền đối với cán bộ, công chức các cấp	UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban hành kế hoạch trong quý I hàng năm; báo cáo kết quả theo quý, 6 tháng, năm	2021-2025	Tiếp thu xong
2	Lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức về Chỉ số PAPI cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp trong việc xây dựng Kế hoạch tập huấn về công tác cải cách hành chính hàng năm và kế hoạch bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, xã nhiệm kỳ 2021-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Ban hành kế hoạch trong quý I hàng năm; báo cáo kết quả theo quý, 6 tháng, năm	2021-2025	
3	- Tuyên truyền, phổ biến và thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn. - Thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. - Thời hạn nhiệm kỳ của trường ban/tiểu khu/tổ dân phố là 2,5 năm	UBND cấp xã, UBND cấp huyện	Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể các cấp, Sở Nội vụ	Thường xuyên	2021-2025	
4	Đề xuất đưa các nhiệm vụ của nội dung thành phần “Cơ hội tham gia” vào Kế hoạch thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và tham mưu công tác kiểm tra thực hiện Kế hoạch.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND huyện/thành phố; UBND xã, phường, thị trấn; Ban, tiểu khu, tổ dân phố	Ban hành kế hoạch tháng 1 hàng năm	2021-2025	
5	Thông tin đề cử tri nắm được các quy định về: - Quyền cử tri được đi bầu để chọn Đại biểu Quốc hội và	UBND cấp xã, UBND cấp	Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể các cấp, Sở	Thường xuyên	2021-2025	

	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh; - Tuân thủ đầy đủ các quy định về tổ chức bầu cử, đảm bảo thực hiện nguyên tắc “mỗi người một lá phiếu” giảm thiểu tình trạng bầu hộ, bầu thay. - Kỳ bầu cử Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân gần nhất vào năm 2016; - Nhiệm kỳ của Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân là 5 năm; - Chức danh Chủ tịch UBND cấp xã do HĐND cấp xã bầu.	huyện	Nội vụ			
6	Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử; thông báo công khai đến người dân; thời gian địa điểm tổ chức bầu đảm bảo, thuận lợi, phù hợp với đa số dân cư trên địa bàn	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thành phố; Mặt trận Tổ quốc; các tổ chức chính trị; xã, phường, thị trấn; thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố.	Theo nhiệm kỳ	2021-2025	
7	Thông tin, tuyên truyền để cử tri nắm được các quy định về: - Phải có từ hai ứng cử viên trở lên để bầu trưởng ban/tiểu khu/tổ dân phố; - Cử tri đại diện hộ gia đình trong ban/tiểu khu/tổ dân phố đều được mời đi bầu cử; - Việc bầu cử được tổ chức theo hình thức bỏ phiếu kín; - Danh sách người trúng cử trưởng ban/tiểu khu/tổ dân phố được niêm yết công khai.	UBND cấp xã, UBND cấp huyện	Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể các cấp, Sở Nội vụ	Thường xuyên	2021-2025	
8	Xây dựng kế hoạch, quản triệt triển khai các nội dung phải công khai theo quy định tại Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 và các văn bản có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở.	UBND các huyện, thành phố	UBND các xã, phường, thị trấn; ban, tiểu khu, tổ dân phố	Quý I năm 2021; Báo cáo kết quả theo quý, 6 tháng, năm	2021-2025	
9	Hướng dẫn nghiệp vụ quản lý tài chính, tổ chức kiểm tra việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện của người dân.	Sở Tài chính	UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn bản, tiểu khu, tổ dân phố	Thường xuyên	2021-2025	

10	Thực hiện công khai danh mục các dự án, các công việc cần kêu gọi người dân cùng tham gia đóng góp tự nguyện - Thông tin để người dân biết khi tham gia đóng góp tự nguyện công trình công cộng ở xã, phường, thị trấn nơi sinh sống thì có quyền tham gia ý kiến trong quá trình thiết kế, tham gia vào việc quyết định và tham gia giám sát xây mới, tu sửa công trình công cộng ở xã, phường, thị trấn do mình đóng góp. - Đóng góp của dân được ghi chép vào sổ sách của xã, phường, thị trấn. Xác nhận việc đóng góp của công dân tránh vận động trùng lặp 1 đối tượng đóng góp cùng 1 nội dung nhiều lần, nhiều nơi. - Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới, tu sửa công trình.	UBND các huyện, thành phố; UBND các xã phường, thị trấn bản, tiểu khu, tổ dân phố	Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể các cấp, Sở Tài chính	Thường xuyên	2021-2025	
II	Chỉ số nội dung 2 “Công khai minh bạch trong hoạch định chính sách”					
11	Xây dựng, biên soạn các đề cương, tài liệu, các chương trình, sản phẩm, tài liệu, ấn phẩm phổ biến, giáo dục pháp luật để đăng tải trên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Sơn La	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; các tổ chức đoàn thể; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Tổ chức thực hiện hàng năm; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định	2021-2025	
12	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các Chương trình Đề án tuyên truyền, PBGDPL; Đề án “Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL” hàng năm	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; các tổ chức đoàn thể; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Ban hành Kế hoạch trong Quý I; tổ chức thực hiện hàng năm; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định	2021-2025	
13	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở trong đó có lồng ghép nội dung kiểm tra các sở, ban, ngành việc triển khai thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; các tổ chức đoàn thể; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Ban hành Kế hoạch trong Quý I; tổ chức thực hiện hàng năm; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định	2021-2025	

2

14	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; theo dõi, đôn đốc UBND các huyện, thành phố trong quá trình rà soát	Sở Lao động – TBXH	UBND, Phòng LĐ-TB&XH các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Ban hành kế hoạch trong quý III hằng năm	2021-2025	
15	- Thực hiện đúng các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, quy trình để chọn hộ nghèo. - Thông tin cho người dân biết về chuẩn nghèo ở đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; công khai danh sách hộ nghèo 12 tháng qua và các chế độ, chính sách của hộ nghèo được hưởng bằng nhiều hình thức để người dân biết (<i>qua đài, trạm truyền thanh, niêm yết danh sách tại trụ sở UBND cấp xã, tại nhà văn hóa bản, tiểu khu, tổ dân phố...</i>). - Rà soát bỏ sung những hộ thực tế rất nghèo nhưng chưa đưa vào danh sách hộ nghèo và đưa ra khỏi danh sách những hộ thực tế không nghèo hoặc đã thoát nghèo; đồng thời, thông tin kịp thời cho người dân biết.	UBND cấp xã, UBND cấp huyện	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể các cấp	Thường xuyên	2021-2025	
16	- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện công khai ngân sách cấp xã. - Bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ về quản lý tài chính cho Chủ tịch, kế toán, thủ quỹ thuộc UBND cấp xã; hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ tài chính ở cấp xã.	Sở Tài chính	UBND cấp xã, UBND cấp huyện	Thường xuyên	2021-2025	
17	- Thực hiện đúng, đủ quy định về công khai (<i>Chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình HĐND cấp xã quyết định dự toán ngân sách xã và Kế hoạch hoạt động, tài chính khác ở xã; số liệu dự toán ngân sách xã và Kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã đã được HĐND xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý, 6 tháng, năm; Quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã đã được HĐND cấp xã phê chuẩn</i>). - Phát huy vai trò giám sát của HĐND cấp huyện, cấp xã, các đoàn thể quần chúng, cán bộ, công chức và nhân dân; kịp thời ngăn chặn những dấu hiệu tiêu cực, xử lý theo quy định đối với những trường hợp vi phạm quy định về	UBND các xã, phường, thị trấn	UBND cấp huyện, Sở Tài chính	Thường xuyên	2021-2025	

	quản lý tài chính, tài sản công.						
18	Mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề về công khai ngân sách cấp xã cho các đối tượng là trưởng thôn/bản/tiểu khu/tổ trưởng tổ dân phố	UBND cấp huyện, Sở Tài chính	UBND các xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố	Thường xuyên	2021-2025		
19	Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Sơn La sau khi được Thủ tướng Chính phủ xét duyệt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Thông tin, UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Khi được Thủ tướng chính phủ duyệt	2021-2024		
20	Công bố công khai khung giá đất, bảng giá đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố	- Khi chính phủ ban hành khung giá đất; - Khi UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất	2021-2025		
III	Chỉ số nội dung 3 “Trách nhiệm giải trình với người dân”						
21	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức Hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh với nhân dân (theo Quy định số 12-QĐ/TU ngày 27/02/2019 của Tỉnh ủy)	UBND các cấp; các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I hàng năm	2021-2025		
22	Xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ Trưởng thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố, đại biểu hội đồng nhân dân xã, Chi hội trưởng của các tổ chức chính trị - xã hội	UBND huyện, thành phố	UBND xã, phường, thị trấn; thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố	Ban hành Kế hoạch trong Quý I; tổ chức thực hiện hàng năm; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định	2021-2025		
23	Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, chuyên đề, chuyên ngành	Thanh tra tỉnh	Thanh tra các sở; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh	Ban hành Kế hoạch trong Quý I; tổ chức thực hiện hàng năm; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định	2021-2025		

24	Thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra; tập trung giải quyết có hiệu quả những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.	Thanh tra các sở; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thường xuyên	2021-2025	
25	Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho người dân và tổ chức, nhất là các chính sách, pháp luật của Nhà nước	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên	2021-2025	
26	Phối hợp hiệu quả với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong giải quyết hiệu quả các tranh chấp dân sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật, dứt điểm, thấu tình đạt lý	Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện	Thường xuyên	2021-2025	
IV	Chỉ số nội dung 4 “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”					
27	- Xây dựng Kế hoạch tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất về kỷ cương hành chính, thực thi công vụ; sử dụng và quản lý ngân sách, công quỹ; giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng. - Kiểm tra việc thực hiện kết luận các cuộc thanh tra, kiểm tra trước đây; kiến nghị xử lý nghiêm đối với các trường hợp tái phạm hoặc chậm khắc phục, không thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra. Tập trung vào việc giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực đất đai, xây dựng... địa bàn cấp huyện, cấp xã.	Thanh tra tỉnh	Thanh tra các sở; UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh	Ban hành Kế hoạch trong Quý I; tổ chức thực hiện hằng năm; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định	2021-2025	
28	Tổ chức triển khai kiểm tra đột xuất để đánh giá tình thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sỹ đối với việc khám, chữa bệnh, đặc biệt đối với đối tượng yếu thế tại các cơ sở y tế tuyến huyện	Sở Y tế	UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	Thường xuyên	2021-2025	
29	Lồng ghép trong các cuộc thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành hàng năm vào nội dung kế hoạch thanh tra các cơ sở giáo dục công lập; chấn chỉnh việc dạy thêm thu không đúng quy định, đảm bảo vệ sinh trường học; tăng cường thực hiện các cuộc kiểm tra đột xuất, các kênh tiếp nhận thông tin của người dân đối với cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên của các trường trên	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Lồng ghép nội dung trong Kế hoạch thanh tra hàng năm để tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo	2021-2025	

	địa bản tình. Xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực; thông tin, công khai rộng rãi tới người dân.			quy định		
30	Xây dựng Kế hoạch tuyên dụng; xây dựng nội dung thi, sát hạch với yêu cầu vị trí việc làm; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào tất cả các khâu của quá trình tuyên dụng	Sở Nội vụ	Các Sở ban ngành; UBND các huyện thành phố	Thường xuyên và báo cáo kết quả định kỳ theo quý và năm	2021-2025	
31	Ban hành Kế hoạch phòng, chống tham nhũng	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Tháng 01 hàng năm và tổ chức triển khai theo kế hoạch; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
V	Chỉ số nội dung 5 “Thủ tục hành chính”					
32	Xây dựng Kế hoạch Kiểm soát TTHC hàng năm; Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC hàng năm; Báo cáo công tác Kiểm soát TTHC theo quy định; triển khai xây dựng Công Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Tháng 01 hàng năm và tổ chức triển khai theo kế hoạch; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
33	Rà soát các quy định, TTHC thuộc phạm vi quản lý; thực hiện cắt giảm tối đa các TTHC rườm rà, không cần thiết để giảm thời gian và chi phí giải quyết TTHC cho người dân; xây dựng quy trình giải quyết TTHC theo các Quyết định Công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Triển khai thường xuyên; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025	
34	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, viên chức tại Trung tâm hành chính công và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Theo kế hoạch hàng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
35	Thực hiện kiểm tra đột xuất trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC; Tăng cường giám sát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC; Khắc phục hiện tượng người dân phải nhờ môi giới (“cò”) mới giải quyết được công việc; phát hiện và xử lý nghiêm công chức tiếp tay cho các đối tượng môi giới này trong lĩnh vực đất đai	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Triển khai thường xuyên; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025	
36	Nâng cao chất lượng trong cấp phép xây dựng. Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng đô thị.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện;	Triển khai thường xuyên; Báo cáo kết	2021-2025	

37	Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	quả hàng quý, 6 tháng, năm. Triển khai thường xuyên; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025
VI	Chỉ số nội dung 6 “Cung ứng dịch vụ công”				
38	Tăng cường tuyên truyền chính sách bảo hiểm y tế để góp phần tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế theo Quyết định của Thủ Tướng Chính phủ và UBND tỉnh giao.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	UBMTQVN tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã; Đài PT-TH tỉnh, Báo Sơn La.	Triển khai thường xuyên; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025
39	Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút đội ngũ y bác sĩ có trình độ, năng lực về công tác tại tỉnh	Sở Y tế	Bệnh viện tỉnh; Trung tâm y tế các huyện.	Triển khai thường xuyên; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025
40	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh bổ sung, xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành y tế; có hình thức khen thưởng, xử lý kịp thời khi có phản ánh của người dân đối với sự phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức tại các bệnh viện công lập tuyến huyện, tỉnh	Sở Y tế	Bệnh viện tỉnh; Trung tâm y tế các huyện.	Triển khai thường xuyên; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025
41	Tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra tối thiểu 30% tại các trường tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn toàn tỉnh về tình trạng dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi phí, lệ phí, các loại quỹ	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Kế hoạch thực hiện; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025

42	Trong giai đoạn 2021-2025, tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra tối thiểu: Phòng GD&ĐT huyện, thành phố chủ trì để thực hiện công tác Kiểm tra 30% tại các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện, thành phố về tình trạng dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi phí, lệ phí, các loại quỹ	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan.	Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025	
43	Sở GD&ĐT tổ chức thanh tra 30% tại các trường THPT, PTDTNT, TTGDTX trên địa bàn toàn tỉnh về tình trạng dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi phí, lệ phí, các loại quỹ	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Điện lực tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch thực hiện; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm.	2021-2025	
44	Tham mưu ban hành Kế hoạch thực hiện các giải pháp nâng cấp lưới điện nhằm bảo đảm cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và điện phục vụ sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch hàng năm; Báo cáo kết quả hàng quý, 6 tháng, năm	2021-2025	
45	Kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn đảm bảo chỉ tiêu về hạ tầng giao thông trong lộ trình giai đoạn của tỉnh	Sở Giao thông vận tải.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; doanh nghiệp, cơ quan, trường học đóng trên địa bàn tỉnh	Ban hành Nghị quyết trong Quý I hàng năm; Báo cáo kết quả triển khai theo quý, 6 tháng năm	Giai đoạn 2021-2025	
46	Ban hành Chi thị của UBND tỉnh về bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; doanh nghiệp, cơ quan, trường học đóng trên địa bàn tỉnh; Công an các huyện, thành phố	Ban hành Chi thị trong Quý I hàng năm; Báo cáo kết quả triển khai theo quý, 6 tháng năm	2021-2025	
47	Báo cáo kết quả và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao Chỉ số nội dung thành phần “An ninh, trật tự khu dân cư”.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; doanh	Ban hành văn bản sau khi có kết quả công bố Chỉ số PAPI	2021-2025	

			ngiệp, cơ quan, trường học đóng trên địa bàn tỉnh; Công an các huyện, thành phố	hàng năm		
48	Nghiên cứu xây dựng phương án cải tạo nâng cấp, hình thức đầu tư quản lý vận hành khai thác cho từng công trình cấp nước sạch nông thôn do bản/tiểu khu/tổ dân phố, xã và Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý vận hành và khai thác trên địa bàn tỉnh, nhằm hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước ngầm theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý II/2021; Báo cáo kết quả triển khai theo quý, 6 tháng năm	2021-2025	
VII	Chỉ số nội dung 7 “Quản trị môi trường”					
49	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về môi trường đến người dân, doanh nghiệp; phát hành tài liệu tuyên truyền về bảo vệ môi trường; hướng dẫn phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình.	Sở Tài nguyên môi trường	Các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kế hoạch hàng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
50	Tăng cường công tác kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, kiểm tra xác nhận công trình bảo vệ môi trường các dự án được phê duyệt ĐTM theo yêu cầu của các văn bản của Chính phủ, Bộ TNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kế hoạch hàng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
51	Triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giao trong giai đoạn 2020-2025: Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100% và Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn đạt 88%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kế hoạch hàng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
52	Triển khai Dự án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kế hoạch hàng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2023	
53	Điều tra, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu các nguồn phát sinh khí thải nhà kính từ hoạt động giao thông, công nghiệp, nông- lâm nghiệp, dân sinh và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kế hoạch hàng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2022	

54	Lập Đề án điều tra, thống kê, cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu và lập danh sách các công trình khai thác nước dưới đất hiện có thuộc Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 17/9/2020; lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định của Nghị định 167/2018/NĐ-CP. Căn cứ Danh mục được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 27/3/2017, phối hợp với UBND cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch cấm móc hành lang bảo vệ nguồn nước và xây dựng phương án, kinh phí cấm móc sau khi được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Kế hoạch hằng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
VIII	Chỉ số nội dung 8 “Quản trị điện tử”					
55	Văn bản tăng cường phổ biến đến người dân được biết và sử dụng Cổng giao tiếp điện tử.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I hằng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
56	Tham mưu cho UBND tỉnh giao các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật; phúc đáp, trả lời, thông tin về kết quả giải quyết, xử lý tới người dân và trên cổng Thông tin điện tử của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I hằng năm; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	
57	Đề xuất giải pháp tăng cường các phương thức tương tác trực tiếp với người dân thông qua Chuyên mục Hỏi - đáp trên cổng thông tin điện tử của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	2021-2025	
58	Xây dựng Đề án triển khai dịch vụ công trực tuyến qua ứng dụng Zalo.	Sở Thông tin truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Ban hành Đề án năm 2021; báo cáo kết quả theo quy định	2021-2025	

59	Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc Chuyển đổi số tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sơ đồ Thông tin truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên; báo cáo kết quả theo quý định	2021-2025	
60	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại các đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã bao gồm: Nâng cấp, bổ sung máy tính, máy in, máy quét và các máy tính chuyên dùng	Sơ đồ Thông tin truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên; báo cáo kết quả theo quý định	2021-2025	



Phụ lục 2

**BIỂU PHÂN CÔNG THEO DÔI CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC CHỈ SỐ NỘI DUNG, CHỈ SỐ NỘI DUNG THÀNH PHẦN
NHÀM CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chỉ số nội dung/Nội dung thành phần	Nội dung	Năm 2019		Chỉ tiêu phân đầu các Chỉ số nội dung/Chỉ số thành phần giai đoạn 2021-2025		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Điểm chỉ số nội dung	Xếp hạng	Điểm chỉ số nội dung	Xếp hạng		
Chỉ số nội dung 1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	5,23	TB cao	6,9	TB cao		
Nội dung thành phần 1	Trí thức công dân	0,78	TB cao	1,4	TB cao	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Cơ hội tham gia	1,58	TB cao	2,0	TB cao		Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Chất lượng bầu cử cấp cơ sở	1,78	Cao nhất	2,0	Cao nhất		Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 4	Đóng góp tự nguyện	1,08	TB thấp	1,5	TB cao	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Chỉ số nội dung 2	Công khai minh bạch	5,63	Cao nhất	7,4	Cao nhất		
Nội dung thành phần 1	Tiếp cận thông tin (phổ biến chính sách pháp luật cho người dân)	0,92	Cao nhất	1,0	Cao nhất	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Danh sách hộ nghèo	1,9	Cao nhất	2,2	Cao nhất	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Thu, chi ngân sách cấp xã	1,41	TB cao	1,7	TB cao	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan

Nội dung thành phần 4	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất	1,41	TB cao	2,5	Cao	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Chỉ số nội dung 3	Trách nhiệm giải trình với người dân	5,31	Cao nhất	6	Cao nhất		
Nội dung thành phần 1	Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền	1,97	TB cao	2,1	TB cao	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân	1,42	Cao nhất	1,6	Cao nhất	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Tiếp cận dịch vụ tư pháp	1,92	TB thấp	2,3	TB cao	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Chỉ số nội dung 4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	6,88	TB cao	7,7	TB cao		
Nội dung thành phần 1	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương	1,72	TB thấp	1,9	TB cao	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	2	TB thấp	2,2	TB cao		
	(1) Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục			1,1	TB cao	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
	(2) Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công lĩnh vực y tế			1,1	TB cao	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công	1,12	TB cao	1,5	TB cao	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan

Nội dung thành phần 5	Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương	2,04	Cao nhất	2,1	TB cao	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Chỉ số nội dung 5	Thủ tục hành chính công	7,34	TB thấp	8,2	TB cao		
Nội dung thành phần 1	Dịch vụ chứng thực xác nhận của chính quyền	1,82	TB cao	2,1	TB cao	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Thủ tục cấp phép xây dựng	1,92	TB cao	2,1	TB cao		Sở Xây dựng; các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất	1,68	Thấp nhất	1,9	TB cao		Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 4	Dịch vụ hành chính ở cấp xã/phường	1,93	TB cao	2,1	TB cao		Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Chỉ số nội dung 6	Cung ứng dịch vụ công	7,07	TB thấp	8,3	TB cao		
Nội dung thành phần 1	Y tế công lập	2,06	TB cao	2,2	TB cao	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Giáo dục tiểu học công lập	1,71	TB thấp	2,0	TB cao	Sở Giáo dục	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Cơ sở hạ tầng căn bản	1,73	Thấp nhất	2,1	TB cao		
	(1) Cung cấp điện lưới quốc gia					Sở Công thương	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan

	(2) Cung cấp nước sạch theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
	(3) Cung cấp nước sạch đô thị					Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
	(4) Đường giao thông					Sở Giao thông	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 4	An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư	1,57	Cao nhất	2,0	Cao nhất	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Chỉ số nội dung 7	Quản trị môi trường	3,73	TB cao	4,3	TB cao		
Nội dung thành phần 1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	1,01	TB cao	1,05	TB cao	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Chất lượng không khí	2,08	TB cao	2,1	TB cao		Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Chất lượng nguồn nước sinh hoạt	0,65	TB cao	0,7	TB cao	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Chỉ số nội dung 8	Quản trị điện tử	3,9	TB cao	4,7	TB cao		
Nội dung thành phần 1	Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương	0,4	TB cao	0,9	TB cao	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương	1,66	TB thấp	1,9	TB cao		Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Nội dung thành phần 3	Phản hồi của chính quyền địa phương trên công thông tin điện tử của tỉnh	1,84	TB cao	1,9	TB cao		Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan